

Số: 939/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 11 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án thí điểm chuyển đổi số và xây dựng thành phố Tây Ninh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018- 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 26/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Chương trình chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (sửa đổi, bổ sung năm 2023);

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh tại Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án thí điểm chuyển đổi số và xây dựng thành phố Tây Ninh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030. Với những mục tiêu cụ thể như sau:

1. Mục tiêu đến năm 2025

1.1. Chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền của địa phương.
- 100% hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập liệu một lần.
- 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.
- 100% công chức được gắn định danh điện tử trong xử lý công việc.
- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.
- 90% hồ sơ công việc tại thành phố và 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);
- 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.
- Tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;
- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 70% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.
- 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.
- Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động có chữ ký số hoặc chữ ký số điện tử cá nhân đạt từ 50% trở lên.
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt từ 70% trở lên.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học cơ sở hoàn thiện mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu mở đạt 80%
- Tỷ lệ người dân trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt 60%.
- 100% khu vực trọng yếu, đặc biệt về an ninh trật tự (ANTT), du lịch của thành phố được lắp đặt camera giám sát thông minh, kết nối với hệ thống camera giám sát tập trung của tỉnh
- Xây dựng Hệ thống chiếu sáng thông minh trên các trục đường chính của thành phố Tây Ninh kết nối với các cảm biến về môi trường, rác thải, báo cháy....
- Xây dựng hệ thống thành phần của Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh, chia sẻ, kết nối với IOC tỉnh và bổ sung thêm các phân hệ thành phần riêng của thành phố.
- Bổ sung và chuẩn hóa các nguồn dữ liệu (trên địa bàn thành phố) phục vụ quản lý, khai thác và chỉ đạo, điều hành: Quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, giao thông, ...; triển khai ứng dụng hệ thống thông tin địa lý GIS vào phục vụ phát triển ĐTTM theo hướng dẫn chung của tỉnh.

1.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số đạt 20% GDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 60%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

1.3. Phát triển Xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 100%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 60%;
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục tiểu học, trung học cơ sở hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%.

2. Mục tiêu đến năm 2030

2.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- Hình thành đầy đủ nền tảng dữ liệu của đô thị thông minh phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.
- 100% hồ sơ công việc cấp thành phố và 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- 98% người dân, doanh nghiệp trở lên hài lòng với giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước;
- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- Phần đầu đến năm 2030: Phường 1, Phường 3 đạt cơ bản nền tảng về chuyển đổi số và đô thị thông minh.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số đạt 30% GDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 100%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 75%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 4%.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có diện thoại thông minh đạt 100%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt 90%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt 60%;
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 95%.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, ban, ngành tỉnh, cơ quan và đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện đạt các mục tiêu của Đề án.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- CVP, các P.CVP;
- KSTT; KGVX;
- Lưu: VT. VPUBND tỉnh.

NIAT/LINH



Trần Văn Chiến



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

ĐỀ ÁN THÍ ĐIỂM
CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ TÂY NINH
TRỞ THÀNH ĐÔ THỊ THÔNG MINH GIAI ĐOẠN 2024 - 2025,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(kèm theo Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2024
của UBND tỉnh Tây Ninh)

MỤC LỤC

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN ...	6
I. Sự cần thiết xây dựng đề án	6
II. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án	7
1. Các văn bản của Trung ương	7
2. Các văn bản của tỉnh Tây Ninh	10
III. Phạm vi, đối tượng của Đề án	10
1. Phạm vi của Đề án	10
2. Đối tượng của Đề án	10
PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA THÀNH PHỐ TÂY NINH	10
1. Về chuyển đổi nhận thức	10
2. Thễ chế số	11
3. Hạ tầng số	12
4. Dữ liệu số	13
5. Nền tảng số	13
6. Nhân lực số	14
7. An toàn thông tin mạng	14
8. Chính quyền số	14
9. Kinh tế số	15
10. Xã hội số	16
II. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân	16
1. Tồn tại, hạn chế	16
2. Nguyên nhân	17
PHẦN III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU	
I. Quan điểm chuyển đổi số	18
II. Nguyên tắc chuyển đổi số	18
III. Mối quan hệ giữa chuyển đổi số với xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh	
IV. Mục tiêu	19

1. Mục tiêu chung.....	20
2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025.....	20
2.1. Chính quyền số.....	20
2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.....	21
2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.....	21
3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030.....	22
3.1. Chính quyền số.....	22
3.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.....	22
3.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.....	22
V. Nhiệm vụ và giải pháp chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Tây Ninh.....	23
1. Nhiệm vụ và giải pháp chung.....	23
1.1. Nhận thức số.....	23
1.2. Phát triển hạ tầng số.....	24
1.3. Dữ liệu số.....	24
1.4. Triển khai nền tảng số.....	25
1.5. Phát triển nguồn nhân lực.....	25
1.6. An toàn thông tin mạng.....	25
2. Nhiệm vụ cụ thể.....	26
2.1. Chính quyền số.....	26
2.2. Kinh tế số.....	26
2.3. Xã hội số.....	27
3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực ưu tiên.....	27
3.1. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.....	27
3.2. Lĩnh vực Y tế.....	27
3.3. Lĩnh vực Nội vụ.....	28
3.4. Lĩnh vực An ninh trật tự, đảm bảo an toàn giao thông.....	28
3.5. Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường.....	28
3.6. Lĩnh vực Du lịch.....	28
3.7. Lĩnh vực xây dựng, quản lý đô thị.....	28

3.8. Lĩnh vực Nông nghiệp	28
4. Kinh phí thực hiện.....	29
PHẦN IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	29
I. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số thành phố	29
II. Phòng Nội vụ thành phố	29
III. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố	30
IV. Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố	30
V. Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc UBND thành phố; các cơ quan, đơn vị trên địa bàn, UBND phường, xã và các tổ chức, cá nhân liên quan	30
VI. Đề nghị các doanh nghiệp	30
PHẦN V. TÍNH KHẢ THI VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN	
I. Tính khả thi của Đề án	31
II. Dự báo hiệu quả của Đề án	31
1. Hiệu quả quản lý nhà nước	32
2. Hiệu quả về mặt kinh tế.....	32
3. Hiệu quả về xã hội.....	33
PHẦN VI. KẾT LUẬN	34
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN	35

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ, TỪ VIẾT TẮT

Stt	Từ viết tắt	Giải thích
1.	HĐND	Hội đồng nhân dân
2.	UBND	Ủy ban nhân dân
3.	CNTT	Công nghệ thông tin
4.	CBCC	Cán bộ công chức
5.	IOC	Trung tâm điều hành thông minh
6.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
7.	IoT	Internet vạn vật

8.	THHC	Thủ tục hành chính
9.	DVC	Dịch vụ công
10.	GTVT	Giao thông vận tải
11.	OCOP	Mỗi xã một sản phẩm
12.	CCHC	Cải cách hành chính

PHẦN I SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Sự cần thiết xây dựng đề án

Hiện nay, trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 - cuộc cách mạng về số hóa, công nghệ số đang làm thay đổi căn bản kinh tế - xã hội. Chuyển đổi số làm thay đổi cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số.

Chuyển đổi số là xu thế toàn cầu, là quá trình khách quan, muốn hay không thì chuyển đổi số vẫn xảy ra và đang diễn ra. Chuyển đổi số sẽ thay đổi căn bản tư duy nhận thức về tầm nhìn tương lai và các mối quan hệ kinh tế xã hội. Chuyển đổi số làm cho các hoạt động kinh tế xã hội sẽ được chuyển sang công nghệ. Sẽ xuất hiện kinh tế số, xã hội số bên cạnh kinh tế thực, xã hội thực và chỉ lúc này thì công nghệ số mới phát huy hết sức mạnh của nó.

Đối với bộ máy quản lý nhà nước: Chuyển đổi số là cơ hội vận dụng tốt nhất và có hiệu quả nhất các thành tựu của công nghệ thông tin để làm thay đổi căn bản cách thức điều hành của bộ máy nhà nước các cấp; giúp chính quyền các cấp hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn, minh bạch hơn, hạn chế tham nhũng, kiến tạo sự phát triển cho xã hội. *Đối với kinh tế:* Chuyển đổi số thúc đẩy các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, tạo ra giá trị mới, tăng năng suất lao động, giảm chi phí vận hành, tiếp cận được nhiều khách hàng hơn trong thời gian dài hơn, tạo động lực tăng trưởng mới và nâng cao tính cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường; đặc biệt là trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế; tăng hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp. *Đối với xã hội:* Chuyển đổi số là điều kiện giúp người dân bình đẳng về cơ hội tiếp cận các dịch vụ (kể cả dịch vụ công và dịch vụ tư), đào tạo, tri thức; thu hẹp khoảng cách phát triển vùng, miền, các tầng lớp, giảm bất bình đẳng. Các ngành, các lĩnh vực nếu được tối ưu hóa, thông minh hóa (số hóa), người dân có thể sống khỏe mạnh hơn nhờ các hình thức chăm sóc y tế kịp thời, vui vẻ hơn với các hình thức giải trí đa dạng và an toàn hơn.

Tại Việt Nam, chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước, trong các ngành, lĩnh vực đã bắt đầu diễn ra nhưng chưa mang tính toàn diện, rộng rãi và chuẩn hóa. Chính phủ và chính quyền các cấp đã và đang xây dựng chính phủ điện tử, chính quyền điện tử. Một số thành phố, đô thị đã bước đầu ban hành đề án, kế hoạch để triển khai xây dựng thành phố thông minh.

Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” để triển khai Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ. Sau đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò của việc chuyển đổi số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tỉnh Tây Ninh cũng đã ban hành nhiều văn bản quan trọng chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu chung đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phấn đấu vào nhóm các tỉnh, thành phố thực hiện chuyển đổi số khá. Phát triển bền vững trên cơ sở nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ, phong trào đổi mới sáng tạo và tăng năng suất lao động, tạo môi trường khởi nghiệp sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số. Khuyến khích, hỗ trợ để hình thành các doanh nghiệp số có khả năng cạnh tranh trong khu vực. Đưa chuyển đổi số thành phương thức phát triển mới góp phần thúc đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thành phố Tây Ninh cũng nhận thức được tính cấp thiết của chuyển đổi số, xác định: Chuyển đổi toàn bộ hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số; coi chuyển đổi số là bắt buộc, mang tính quyết định; Cơ quan nhà nước sử dụng công nghệ số và dữ liệu số để ra quyết định, kiến tạo phát triển và quản lý kinh tế - xã hội hiệu quả hơn, dẫn dắt phát triển kinh tế số, xã hội số; Phát triển Chính phủ số gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Đứng trước thời cơ và thách thức mới, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh quyết tâm thực hiện chuyển đổi số để thay đổi một cách tổng thể và toàn diện tất cả các khía cạnh của đời sống kinh tế - xã hội, tái định hình cách mọi người sống, làm việc và liên hệ với nhau. Đề án chuyển đổi số gắn với xây dựng thành phố Tây Ninh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2024-2025, tầm nhìn đến 2030 sẽ phản ánh tầm nhìn, nhiệm vụ và giải pháp trong những năm tới để đẩy mạnh sáng tạo, phát triển đột phá công nghệ kỹ thuật số, từ đó thúc đẩy sự phát triển về kinh tế - xã hội của thành phố Tây Ninh.

II. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án

1. Các văn bản của Trung ương

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTIC trên môi trường điện tử;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ về việc ban hành

Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ĐTTM bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 12/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030;

- Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030";

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2023 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2323/BTTTT-TTHH ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;

- Quyết định số 38/QĐ-BTTTT ngày 14/01/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ chuyển đổi IPv6 cho cơ quan nhà nước giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án "Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các

bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”.

- Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh (phiên bản 1.0);

- Công văn số 3098/BTTTT-KIICN ngày 13/9/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về công bố Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam giai đoạn đến năm 2025 (phiên bản 1.0);

- Công văn số 4176/BTTTT-TTHH ngày 22/11/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn triển khai thí điểm dịch vụ đô thị thông minh.

- Công văn số 58/BTTTT-KIICN ngày 11/01/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các nguyên tắc định hướng về công nghệ thông tin và truyền thông trong xây dựng đô thị thông minh ở Việt Nam;

- Công văn số 3909/BXD-PĐĐT, ngày 5/9/2022 của Bộ xây dựng về việc triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về phát triển đô thị thông minh.

2. Các văn bản của tỉnh Tây Ninh

- Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 26/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 146-KH/TU ngày 30/3/2023 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh năm 2023.

- Quyết định số 1920/QĐ-UBND, ngày 03/9/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh về ban hành đề án xây dựng Chính quyền số tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Kiến trúc chính truyền điện tử tỉnh Tây Ninh (phiên bản 2.0);

- Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND tỉnh Ban hành Chương trình chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

III. Phạm vi, đối tượng của Đề án

1. Phạm vi của Đề án

Phạm vi thực hiện của Đề án trong lĩnh vực chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh trên địa bàn thành phố Tây Ninh đến năm 2030.

2. Đối tượng của Đề án

Đối tượng của Đề án chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh trên địa bàn thành phố Tây Ninh trên cả 03 trụ cột: chính quyền số, kinh tế và xã hội số triển

khai tại tất cả các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố; UBND các phường, xã; các đơn vị, cá nhân có liên quan,...

PHẦN II

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA THÀNH PHỐ TÂY NINH

Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 26/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Các quyết định, kế hoạch, của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; các văn bản hướng dẫn của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh về thực hiện chuyển đổi số. Trong thời gian qua, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn thành phố, đã huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân, công tác chuyển đổi số trên địa bàn thành phố đã được triển khai, đẩy mạnh thực hiện đồng bộ và đạt được những kết quả bước đầu quan trọng, cụ thể:

1. Về chuyển đổi nhận thức

Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành nhiều văn bản, kế hoạch để tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, định hướng của Đảng, chính quyền về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, chuyển đổi số. Hàng năm, tổ chức tuyên truyền, đăng tải nhiều thông tin, bài viết về hướng dẫn, phổ biến các quy định, các ứng dụng, tiện ích, hiệu quả, lợi ích, kết quả đạt được về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người đứng đầu các cơ quan đảng, nhà nước, người dân và doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin như: Báo, Đài phát thanh và Truyền hình, Cổng thông tin điện tử thành phố, phường, xã, Zalo, Facebook,... Ngoài ra, còn triển khai nhiều hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, theo dõi, hỗ trợ, hướng dẫn cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước 02 cấp trên địa bàn thành phố, đây là nhiệm vụ thường xuyên hàng năm được triển khai thực hiện; nhất là đào tạo, tập huấn, hướng dẫn cho người dân và doanh nghiệp trọng việc tạo tài khoản công dân điện tử, kê khai đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến, theo dõi, tra cứu tình hình xử lý hồ sơ, thủ tục hành chính qua mạng, khai thác sử dụng các ứng dụng thông minh, phản ánh hiện trường,... Năm 2021, tổ chức 05 lớp tập huấn kỹ năng về công nghệ thông tin, chứng thực bản sao điện tử, triển khai thực hiện các phần mềm điện tử dùng chung cho cán bộ, công chức, viên chức với số lượng người tham gia 238 người/05 lớp; năm 2022, tổ chức 06 lớp chuyển đổi số, cổng thông tin điện tử, số hóa và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức điện tử, sử dụng Cổng thông tin địa phương trên Zalo (Zalo OA) và ứng dụng Tây Ninh Smart trên Zalo (mini-app), khai thác các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, quốc gia cho cán bộ, công chức, viên chức với số lượng người tham gia 338 người/06 lớp, trong đó 02 lớp dành cho đối tượng là thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số thành phố, cấp xã, cán bộ công chức các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố; 02 lớp dành cho tổ công nghệ số cộng đồng các phường,

xã. Năm 2023, tổ chức 08 lớp tập huấn kiến thức chuyển đổi số, kỹ năng về công nghệ thông tin, công nghệ thông tin điện tử, tái sử dụng dữ liệu cá nhân cho cán bộ, công chức, viên chức với số lượng người tham gia 493 người/08 lớp.

- Tổ chức tuyên truyền hưởng ứng ngày Chuyển đổi số Quốc gia hàng năm trên hệ thống đài truyền thanh thành phố, đài truyền thanh các phường, xã, đặt banner trên các Cổng thông tin điện tử...

2. Thể chế số

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông, UBND thành phố Tây Ninh đã ban hành các văn bản để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

Thành ủy Tây Ninh đã ban hành Kế hoạch số 34-KII/IIU ngày 02/4/2022 thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 26/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số thành phố Tây Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 nhằm định hướng việc triển khai chuyển đổi số trên địa bàn thành phố phù hợp với mục tiêu chung của tỉnh và phù hợp với tình hình hiện trạng của thành phố.

UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 08/03/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số thành phố Tây Ninh, trong đó Trưởng Ban chỉ đạo là Chủ tịch UBND thành phố, Phó trưởng ban Thường trực là Phó Chủ tịch UBND thành phố, Thành viên Thường trực là Trưởng phòng Nội vụ thành phố, thành viên Ban chỉ đạo là các trưởng phòng, ban, ngành thành phố và Chủ tịch UBND phường, xã.

Bên cạnh đó, UBND thành phố cũng xây dựng các kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước giai đoạn từ 2021 đến 2025 (Kế hoạch số 28/KII-UBND ngày 28/4/2021) và các kế hoạch chuyển đổi số theo từng năm (Kế hoạch số 80/KII-UBND ngày 20/3/2023) nhằm dẫn dắt quá trình chuyển đổi số trên địa bàn thành phố đi đúng hướng, hiệu quả.

3. Hạ tầng số

Hệ thống mạng Internet diện rộng từ tỉnh kết nối đến tất cả các đơn vị thuộc UBND thành phố Tây Ninh; tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức thành phố là đạt 100%, hầu hết các máy tính đều được kết nối Internet, trừ số máy tính được dùng để soạn thảo văn bản mật. 100% máy tính tại các cơ quan nhà nước thành phố và phường, xã được trang bị phần mềm diệt virus có bản quyền. Các trang thiết bị phụ trợ như máy in, máy photo, máy quét, thiết bị mạng... cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo phục vụ triển khai các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, phát triển chính quyền điện tử.

Thành phố Tây Ninh hiện có 104.657 người dùng Smartphone/tổng dân số 133.805 người, đạt tỷ lệ 78,21%¹; 100% tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh (32.336 hộ gia đình); 80,36% tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang (25.986 hộ gia đình). Tỷ lệ phủ sóng di động tới 100% khu phố, ấp. Triển khai thử nghiệm hệ thống 5G của Tập đoàn Viettel tại thành phố Tây Ninh.

¹ Nguồn số liệu từ 03 nhà cung cấp dịch vụ viễn thông Viettel, Mobile, Vina.

Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đã bước đầu hỗ trợ, tư vấn cho người dân và doanh nghiệp về chuyển đổi số như: Hướng dẫn sử dụng các ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt; hỗ trợ tham gia các sàn thương mại điện tử, gán mã QR Code, cấp chữ ký số miễn phí khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến

Các ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố đã đẩy mạnh việc phát hành thẻ ngân hàng, chuyển đổi thẻ ngân hàng từ thẻ từ sang thẻ chip, đảm bảo an ninh, an toàn trong thanh toán và gia tăng các dịch vụ thanh toán thuận lợi kết nối với các hệ thống thanh toán khác. Nhiều cơ sở, tổ chức kinh doanh trên địa bàn đã chấp nhận hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Số lượng người dân địa bàn thành phố mở tài khoản ngân hàng và sử dụng tài khoản ngân hàng để thanh toán cho các giao dịch mua bán ngày càng tăng. Tỷ lệ người dân từ đủ 15 tuổi trở lên có tài khoản ngân hàng đạt 49,5%.

Các trường học, cơ sở giáo dục trên địa bàn đã đẩy mạnh triển khai thực hiện việc ứng dụng CNTT trong dạy học và tương tác với phụ huynh học sinh.

4. Dữ liệu số

Cơ sở dữ liệu về cổng thông tin điện tử thành phố và cổng thông tin điện tử các phường, xã: Hoạt động đảm bảo theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, đã cung cấp đầy đủ thông tin về lãnh đạo và thông tin về hoạt động cơ quan nhà nước cấp thành phố, cấp xã.

Cơ sở dữ liệu quản lý văn bản đi, đến, điều hành tác nghiệp, theo dõi và thực hiện nhiệm vụ trên hệ thống phần mềm eGov: 80% các văn bản, hồ sơ công việc đã được tạo lập, xử lý, ký số, lưu trữ trên môi trường mạng.

Cơ sở dữ liệu về hệ thống thông tin một cửa điện tử: 100% TTHC được số hoá tiếp nhận và trả kết quả tên hệ thống thông tin một cửa điện tử.

Cơ sở dữ liệu khai báo từ Tabmis do Phòng Tài chính - Kế hoạch triển khai thực hiện phân bổ ngân sách, quản lý mục lục ngân sách và hệ thống tài khoản, quản lý chi, cam kết chi, quản lý thu, quản lý ngân quỹ,... được phân ra thành các phân hệ sau: Quản lý tài khoản và mục lục ngân sách, Quản lý phân bổ ngân sách, Quản lý cam kết chi, Quản lý chi, Quản lý thu, Quản lý ngân quỹ, Quản lý dự án đầu tư, Khóa sổ cuối năm và Quản lý báo cáo.

Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo: đã được cập nhật xác thực số định danh cá nhân với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư gần 26.004 học sinh và trên 1.636 giáo viên.

5. Nền tảng số

Các hệ thống nền tảng đang được ứng dụng trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn thành phố phục vụ cho phát triển Chính quyền điện tử trên địa bàn như: Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc (eGov); Hệ thống một cửa điện tử thành phố, cấp xã liên kết với Cổng dịch vụ công của tỉnh, Cổng dịch vụ công Quốc gia; Hệ thống Hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp; dữ liệu quốc gia về dân cư; Hệ thống Cổng thông tin điện tử thành phố, Cổng thông tin điện tử phường, xã; Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ trong kiểm soát thủ tục hành chính; Hệ thống thông

tin báo cáo tình hình kinh tế xã hội tỉnh. Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức; nền tảng sàn thương mại điện tử phục vụ phát triển kinh tế số; nền tảng thanh toán số phục vụ phát triển xã hội số, nền tảng hội nghị trực tuyến, nền tảng học trực tuyến, hóa đơn điện tử,...

6. Nhân lực số

UBND thành phố Tây Ninh có 01 công chức tham mưu quản lý nhà nước về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; cấp xã bố trí cán bộ công chức Văn hoá - Xã hội và công chức Văn phòng - Thống kê phụ trách tham mưu chuyển đổi số phường, xã.

10/10 phường, xã đã thành lập 64 tổ công nghệ số cộng đồng với 179 thành viên tổ phường, xã và 352 thành viên tổ ấp, khu phố tham gia.

UBND thành phố thường xuyên phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp Viễn thông VNPT, Viettel, Bưu chính để tranh thủ nguồn nhân lực CNTT phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

7. An toàn thông tin mạng

Việc bảo đảm an toàn thông tin được UBND thành phố quan tâm chỉ đạo, triển khai theo Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về ban hành Quy chế đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. UBND thành phố đã kiện toàn bố trí công chức chuyên trách quản lý về an toàn thông tin cho đơn vị; trang bị, cài đặt các phần mềm diệt virus cho hệ thống máy tính của các phòng chuyên môn, triển khai sử dụng phần mềm xử lý mã độc; ban hành các quy chế, quy định bảo đảm an toàn thông tin; thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng.

Thường xuyên tiến hành kiểm tra, đánh giá các hệ thống thông tin về việc đảm bảo an toàn thông tin, cơ bản các cơ quan đều chấp hành đầy đủ quy định về đảm bảo an toàn thông tin theo quy định của tỉnh, của thành phố. Triển khai thực hiện Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và các văn bản liên quan của Bộ Thông tin và Truyền thông. Triển khai thực hiện tốt các phương án bảo đảm an toàn thông tin trên địa bàn.

8. Chính quyền số

Hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc (eGov): được sử dụng ổn định, hiệu quả; Cung cấp 100% tài khoản cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND thành phố thực hiện trao đổi văn bản trên hệ thống.

Trang thiết bị và hạ tầng CNTT của các phòng, ban, đơn vị thành phố, UBND phường, xã đảm bảo kết nối ổn định, thông suốt; an toàn, bảo mật thông tin; 100% cán bộ công chức, viên chức được trang bị máy vi tính; 100% các đơn vị có mạng LAN, các máy tính được kết nối mạng Internet băng thông rộng phục vụ công tác chuyên môn.

Ứng dụng phục vụ chỉ đạo điều hành:

100% cán bộ, công chức đã thực hiện tiếp nhận, luân chuyển, xử lý văn bản đi/dến, dự thảo, xin kiến, trình duyệt, ký số, phát hành văn bản trên phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc;

100% văn bản và hồ sơ công việc được thực hiện trên môi trường mạng.

100% cán bộ, công chức, viên chức tại UBND thành phố và UBND phường, xã được cấp tài khoản thư công vụ của tỉnh và khai thác sử dụng trong giao dịch công việc.

Ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp: UBND thành phố đã tập trung chỉ đạo khai thác, sử dụng hiệu quả Cổng dịch vụ công, hệ thống một cửa điện tử 02 cấp; đảm bảo 100% các thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý trên hệ thống một cửa điện tử; đảm bảo đạt các chỉ tiêu về tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến toàn trình và một phần theo quy định.

Công thông tin điện tử thành phố và phường, xã đã thường xuyên cung cấp tin, bài viết, các văn bản, thông tin phổ biến pháp luật, cập nhật, niềm yết, công khai thủ tục hành chính sau khi thủ tục hành chính được công bố; thường xuyên đăng tải tin bài liên quan đến nội dung chuyển đổi số và các tin bài tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh thành phố để tuyên truyền, phổ biến nội dung về chuyển đổi số cho người dân và doanh nghiệp.

Hệ thống camera an ninh được UBND thành phố đầu tư lắp đặt ở các vị trí quan trọng trong cơ quan, đơn vị, trên các trục đường chính, tại các ngã tư, giao lộ trên địa bàn thành phố nhằm phục vụ tốt công tác đảm bảo giao thông, an ninh trật tự, phòng chống tội phạm; đến nay, đã lắp đặt hơn 50 camera, với tổng kinh phí trên 50 tỷ đồng.

Tiếp tục sử dụng hiệu quả phòng họp trực tuyến tại thành phố và 10/10 phường, xã phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành từ thành phố đến phường, xã. Kết nối liên thông với hệ thống truyền hình hội nghị cấp tỉnh.

Triển khai các hệ thống thông tin dùng chung từ Trung ương tới địa phương: Các phòng chuyên môn, đơn vị thành phố, UBND phường, xã đã sử dụng, khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung do các Bộ, ngành triển khai, như: Cổng dịch vụ công quốc gia, Phần mềm II-ộ tịch, Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và đào tạo về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; phần mềm Quản lý phổ cập, xoá mù; phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức...

9. Kinh tế số

Các doanh nghiệp đã triển khai cung cấp dịch vụ chuyển đổi số phục vụ các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp, hộ sản xuất, kinh doanh sử dụng các ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt; hỗ trợ tham gia các sàn thương mại điện tử, gán mã QR Code. Tỷ lệ hộ dân đăng ký thuê bao dịch vụ Internet và sử dụng điện thoại thông minh, mở tài khoản ngân hàng ngày một tăng.

Việc áp dụng CNTT vào giảng dạy và trao đổi bằng hình thức trực tuyến đã nâng cao sự tương tác giữa người dạy và người học, trở thành hoạt động cần thiết, mang lại nhiều sự thuận tiện, giảm thời gian di lại, tra cứu tài liệu, tăng khả năng tự học, tự đọc... Cũng qua việc áp dụng công nghệ số vào giảng dạy, trình độ sử dụng công nghệ thông tin của người dạy và người học đều được nâng cao.

Việc quảng bá thương hiệu, sản phẩm của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố đã được quan tâm triển khai. UBND thành phố đã lựa chọn và cung cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh danh sách 14 sản phẩm của thành phố đã

được công nhận là sản phẩm OCOP, sản phẩm tiềm năng dễ truyền thông lan tỏa. Đăng ký cho 05 doanh nghiệp, hộ kinh doanh tham gia tập huấn sử dụng công nghệ thông tin thương mại điện tử do Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức. Hiện nay, thành phố đã có hai doanh nghiệp có sản phẩm OCOP tham gia sàn giao dịch điện tử, với 05 sản phẩm (Bột sắn Bột Chính; Hoa sắn Bột Chính; Trà sắn Bột Chính; Rượu sắn Bột Chính; Yên sào sơ chế).

10. Xã hội số

Các cấp ủy, chính quyền từ thành phố đến phường, xã đã tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức cho nhân dân về chuyển đổi số như: sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, đăng ký sử dụng tài khoản điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt...; phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tổ chức tập huấn, hướng dẫn người dân cài đặt sử dụng các ví điện tử, mở tài khoản ngân hàng phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong giao dịch.

Ngành Giáo dục và Đào tạo đã triển khai bổ sung các phần mềm trong hệ sinh thái giáo dục thông minh như: Cài đặt các ứng dụng như: Teacher, vnEdu Connect để hỗ trợ giáo viên, phụ huynh cập nhật thông tin, tương tác giữa nhà trường, gia đình và xã hội; thực hiện việc cập nhật thông tin thường xuyên trên phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành, đồng bộ số định danh cá nhân của giáo viên, học sinh với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư; triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua OTT (Zalo, Messenger, ..).

Công an thành phố đã triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội đã rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung thông tin về đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội vào phần mềm quản lý, nhằm đảm bảo 100% dữ liệu được số hóa; cập nhật bổ sung thông tin trẻ em tại cơ sở vào phần mềm quản lý đảm bảo 100% dữ liệu được số hóa theo chỉ đạo của tỉnh.

II. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

1. Tồn tại, hạn chế

Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, nhất là khâu tuyên truyền về phát triển xã hội số còn nhiều hạn chế.

Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân nhận thức chưa sâu sắc, đầy đủ về vị trí, vai trò về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số; một số cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu chưa quyết tâm, gương mẫu trong ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc, ngại thay đổi thói quen từ xử lý văn bản giấy sang điện tử.

Hơn nữa, việc xây dựng môi trường pháp lý hiện nay vẫn rất chậm, chưa theo kịp nhu cầu xã hội phát sinh, đặc biệt trong các lĩnh vực mới khi thực hiện chuyển đổi số; cơ chế, chính sách chưa đủ mạnh để tạo động lực thu hút nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế số, xã hội số.

Sự tham gia của doanh nghiệp và người dân trong thực hiện chuyển đổi số còn chậm, chưa đồng đều:

+ Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia chuyển đổi số thấp, nhiều doanh nghiệp thờ ơ với nội dung chuyển đổi số doanh nghiệp.

+ Nhận thức của người dân về chuyển đổi số còn hạn chế, chưa nhận thức đầy đủ về những lợi ích của chuyển đổi số, của việc sử dụng các ứng dụng CNTT phục vụ cho công việc, thay đổi cách thức làm việc, cách thức mua sắm, bán hàng. Tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh có tài khoản ngân hàng để liên kết với ví điện tử còn rất thấp gây khó khăn cho quá trình tham gia thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán các dịch vụ cơ bản (điện, nước, ..), các giao dịch trên sàn thương mại điện tử.

Nguồn lực dành cho hoạt động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số ở hầu hết các cơ quan, đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ:

+ Các phường, xã chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT. Kỹ năng ứng dụng công nghệ số của cán bộ công chức cấp xã, của người dân còn hạn chế.

+ Khó khăn về kinh phí để mua sắm, nâng cấp trang thiết bị CNTT phục vụ cho việc chuyển đổi số.

IIa tầng CNTT các cơ quan, đơn vị thành phố chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu cơ bản phục vụ chuyển đổi số.

Công thông tin điện tử của các phường, xã hoạt động thiếu hiệu quả, cập nhật chưa thường xuyên, chưa đầy đủ thông tin theo quy định.

Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành rời rạc, thiếu tính thống nhất và đồng bộ gây ra nhiều khó khăn trong việc trao đổi thông tin, dữ liệu liên ngành, chưa kết nối được với các cơ sở dữ liệu dùng chung.

2. Nguyên nhân

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng chủ yếu là do:

Nhận thức, hiểu biết về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của chuyển đổi số ở một số cấp ủy đảng, chính quyền, đơn vị, doanh nghiệp, một bộ phận cán bộ, đảng viên và phần lớn người dân chưa đầy đủ, sâu sắc.

Một số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân chưa chủ động, sáng tạo, mạnh dạn thay đổi thói quen, tư duy và hành động để đổi mới phương thức, quy trình, mô hình hoạt động và các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số.

Nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn hẹp, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyển đổi số của thành phố.

Quản lý nhà nước về chuyển đổi số chưa theo kịp với tình hình thực tiễn.

Công tác tham mưu, chỉ đạo của các phòng, ban, ngành cấp thành phố, UBND phường, xã chưa quyết liệt.

Nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số còn thiếu và yếu; chưa có cơ chế, chính sách đặc thù, hiệu quả để thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực chuyển đổi số.

PHẦN III

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. Quan điểm chuyển đổi số

Chuyển đổi số là xu thế tất yếu và rất cần thiết nhằm chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, sức cạnh tranh của các ngành, các sản phẩm, các doanh nghiệp và cả nền kinh tế của thành phố. Là phương thức để thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội văn minh, hiện đại, tiên bộ, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng, hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp.

Chuyển đổi số là nhiệm vụ chiến lược, xuyên suốt, vừa cấp bách, vừa lâu dài; cần phải có lộ trình, bước đi phù hợp, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của thành phố; đồng thời, phải tận dụng tối đa cơ hội, điều kiện thuận lợi để đi nhanh, đi trước, đón đầu, không để bị tụt hậu.

Chuyển đổi số phải được thực hiện đồng bộ, liên thông, chặt chẽ giữa các cấp, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân; lựa chọn một số địa phương, đơn vị, ngành, lĩnh vực trọng điểm, có lợi thế để thực hiện thí điểm chuyển đổi số, sau đó tổ chức đánh giá, nhân ra diện rộng; ưu tiên xây dựng chính quyền số để thúc đẩy, dẫn dắt phát triển kinh tế số, xã hội số.

Chuyển đổi số phải thực hiện trên cơ sở đẩy mạnh xã hội hóa, huy động đa dạng các nguồn lực để đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng, nâng cao năng lực chuyển đổi số của thành phố, doanh nghiệp và toàn xã hội; phải huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, tổ chức thực hiện đồng bộ ở các ngành, các cấp và sự tham gia của toàn dân để bảo đảm cho sự thành công của chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

II. Nguyên tắc chuyển đổi số

Kế thừa, phát huy kết quả đạt được trong triển khai Chính quyền điện tử, cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, hình ảnh Chính quyền thành phố năng động, thân thiện, phục vụ trong thời gian qua.

Chủ động trong lựa chọn, ứng dụng các công nghệ và nền tảng số, từng bước làm chủ công nghệ để thực hiện chuyển đổi số bền vững, hiệu quả.

Bảo đảm an toàn thông tin là yếu tố then chốt để chuyển đổi số thành công.

Phải hợp tác, tận dụng tối đa nguồn lực của các thành phần kinh tế xã hội để chuyển đổi số.

Phải đảm bảo việc chuyển đổi số có tác động bình đẳng và có lợi ích cho tất cả các thành phần trong xã hội.

Phải có sự phối hợp, kết nối, chia sẻ giữa các tổ chức, cá nhân trong toàn xã hội để chuyển đổi số mạnh mẽ.

III. Mối quan hệ giữa chuyển đổi số với xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh

Chính quyền điện tử là chính quyền ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn (văn

bản số 1178/BTTTT-TTHH ngày 21/4/2015 của Bộ TTTT Ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Phiên bản 1.0). Hay nói một cách khác, đây là quá trình tin học hóa các hoạt động của chính phủ.

Chính quyền điện tử, hiểu một cách đơn giản, là “bốn Không”, có khả năng họp không gặp mặt, xử lý văn bản không giấy, giải quyết thủ tục hành chính không tiếp xúc và thanh toán không dùng tiền mặt.

Đô thị thông minh được hiểu là một khu đô thị có sử dụng trí tuệ nhân tạo, công nghệ IoT (Internet of things: Internet vạn vật/ liên mạng) để thu thập dữ liệu và sau đó sử dụng các dữ liệu đó để quản lý tài sản và các nguồn lực một cách hiệu quả.

Như vậy, đô thị thông minh và Chuyển đổi số có một số điểm tương đồng: đô thị thông minh và Chuyển đổi số đều dựa trên công nghệ số để làm đòn bẩy và động lực thúc đẩy; Dữ liệu số là yếu tố then chốt trong đô thị thông minh và Chuyển đổi số.

Chuyển đổi số trước tiên là thay đổi thể chế, chuyển đổi về nhận thức, từ đó thay đổi cách làm, và sử dụng công nghệ số để thực thi, đạt mục đích. Do đó, phạm vi của Đề án Chuyển đổi số không chỉ triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án liên quan đến CNTT, phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng và ứng dụng thông minh, mà còn triển khai các nhiệm vụ quan trọng khác như: kiến tạo thể chế, đổi mới khu vực công, cải cách quy trình; chuyển đổi nhận thức trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân; đào tạo kỹ năng số, phát triển nhân lực số,... Trong Chuyển đổi số, sẽ kế thừa các kết quả triển khai chương trình, dự án của Đề án đô thị thông minh, bổ sung thêm các nhiệm vụ khác để triển khai thành công 03 trụ cột Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số; đồng thời tạo cơ chế, chính sách, kích cầu, huy động để từng người dân, doanh nghiệp cũng tham gia và có hoạt động cần thiết để là doanh nghiệp số, công dân số.

IV. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Cụ thể hóa việc triển khai thực hiện hiệu quả, đúng quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được đề ra trong Chương trình chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Xây dựng, hoàn thiện Chính quyền số gắn liền với cải cách hành chính, công vụ, đồng hành, đồng bộ với xây dựng đô thị thông minh, phát triển kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) nhằm đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của bộ máy Chính quyền số, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân trên môi trường số.

Ứng dụng CNTT nâng cao hiệu quả hoạt động của Chính quyền số; phát triển các doanh nghiệp số có quy mô lớn, khả năng cạnh tranh cao; kinh tế số phát triển; xây dựng xã hội số văn minh, hiện đại.

Phát triển kinh tế số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế và năng suất lao động, thúc đẩy hình thành các mô hình sản xuất, kinh doanh mới có hiệu quả kinh tế cao, góp phần tích cực vào tăng

trường GRDP hàng năm.

Phát triển xã hội số để thay đổi phương thức sống, làm việc của người dân, giúp người dân bình đẳng về cơ hội tiếp cận dịch vụ, đào tạo, tri thức, thu hẹp khoảng cách phát triển.

Phân đầu thực hiện Phường 1 và Phường 3 đạt cơ bản nền tảng về chuyển đổi số và đô thị thông minh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

2.1. Chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền của địa phương.
- 100% hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập liệu một lần.
- 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.
- 100% công chức được gắn định danh điện tử trong xử lý công việc.
- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.
- 90% hồ sơ công việc tại thành phố và 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);
- 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.
- Tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;
- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 70% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.
- 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.
- 100% khu vực trọng yếu, đặc biệt về an ninh trật tự (ANTT), du lịch của thành phố được lắp đặt camera giám sát thông minh, kết nối với hệ thống camera giám sát tập trung của tỉnh.
- Xây dựng Hệ thống chiếu sáng thông minh trên các trục đường chính của thành phố Tây Ninh kết nối với các cảm biến về môi trường, rác thải, báo cháy....
- Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của Thành phố là hệ thống thành phần của IOC tỉnh; thực hiện tích hợp, chia sẻ dữ liệu với IOC tỉnh và bổ sung thêm các phân hệ thành phần tạo lập dữ liệu riêng của thành phố.
- Bổ sung và chuẩn hóa các nguồn dữ liệu (trên địa bàn thành phố) phục vụ quản lý, khai thác và chỉ đạo, điều hành: Quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng,

giao thông, ...; triển khai ứng dụng hệ thống thông tin địa lý GIS vào phục vụ phát triển DTMT theo hướng dẫn chung của tỉnh.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số đạt 20% GDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 60%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

2.3. Phát triển Xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 100%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 60%;
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục tiểu học, trung học cơ sở hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%.

3. Mục tiêu đến năm 2030

3.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- Hình thành đầy đủ nền tảng dữ liệu của đô thị thông minh phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.
- 100% hồ sơ công việc cấp thành phố và 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- 98% người dân, doanh nghiệp trở lên hài lòng với giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước;
- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- Phần đầu đến năm 2030: Phường 1, Phường 3 đạt cơ bản nền tảng về chuyển đổi số và đô thị thông minh.

3.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số đạt 30% GDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 100%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 75%;

- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 4%.
- 3.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số**
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 100%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt 90%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt 60%;
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 95%.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%.

V. Nhiệm vụ và giải pháp chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Tây Ninh

1. Nhiệm vụ và giải pháp chung

1.1. Nhận thức số

a) Tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các đề án, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của các cấp về chuyển đổi số; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành trên địa bàn thành phố. Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách.

Tổ chức các hội nghị tập huấn, các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên đề để nâng cao kiến thức cơ bản, kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

Tăng cường phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp công nghệ, viễn thông tập huấn các kỹ năng số cơ bản cho người dân về sử dụng Internet, thư điện tử, giao dịch điện tử, mua bán trực tuyến, tham gia sàn thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm an

toàn thông tin cá nhân...

b) Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

Trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số hàng năm, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số thành phố lựa chọn những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của các đơn vị cấp xã, của doanh nghiệp, của người dân và tổ chức cho các đơn vị tham quan, học tập mô hình để rút kinh nghiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ năm tiếp theo.

1.2. Phát triển hạ tầng số

Nâng cấp hệ thống mạng nội bộ (LAN) tại UBND thành phố và Ủy ban nhân dân các phường, xã đảm bảo các điều kiện để kết nối mạng diện rộng trên cơ sở mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, mua sắm thay thế những thiết bị đã cũ, lạc hậu đáp ứng yêu cầu phát triển CNTT trong các cơ quan hành chính nhà nước từ thành phố đến phường, xã. Duy trì tỉ lệ 1 người/1 máy; đảm bảo 100% máy tính kết nối mạng LAN, mạng Internet;

Duy trì có hiệu quả Hệ thống hội nghị trực tuyến, đảm bảo kết nối thông suốt từ thành phố đến phường, xã nhằm đáp ứng nhu cầu họp trực tuyến giữa cơ quan nhà nước.

Khai thác hiệu quả hệ thống phòng họp không giấy phục vụ tổ chức các hội nghị của cơ quan nhà nước 02 cấp.

Tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông xây dựng hạ tầng phát sóng thông tin di động 4G, 5G và các thế hệ tiếp theo, mạng Internet băng thông rộng cấp quang đến các hộ gia đình trên mọi địa điểm của thành phố đến năm 2025.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông thực hiện chuyển đổi địa chỉ Internet thế hệ mới IPv6 cho toàn bộ hệ thống CNTT nội bộ, các dịch vụ có kết nối Internet của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố.

Xây dựng, nâng cấp trang thông tin điện tử tại các phường, xã phù hợp với quy định và điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ quản lý, điều hành của nhà nước và nhu cầu của người dân.

Triển khai hệ thống Wifi công cộng thông minh trên địa bàn thành phố (tại trụ sở các cơ quan nhà nước, các điểm du lịch, khu di tích, lịch sử, văn hoá, danh thắng, các khu vui chơi công cộng,...) nhằm phục vụ nhu cầu truy cập thông tin qua mạng Internet thuận lợi cho nhà đầu tư, khách du lịch và nhân dân trong thành phố khai thác các tiện ích thông minh.

Phát triển, đổi mới và hiện đại hóa các cơ sở giáo dục đào tạo: Tiếp tục phát triển, hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ dạy và học của các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn thành phố.

Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, môi trường, năng lượng, điện, nước, ... để hoàn thiện hạ tầng số.

1.3. Dữ liệu số

Chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp với các ngành cấp trên trong việc

rà soát, cập nhật, bổ sung các dữ liệu vào các cơ sở dữ liệu theo ngành, lĩnh vực trọng điểm: nông nghiệp, nội vụ, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, lao động, thương mại, xây dựng, văn hóa, thể thao và du lịch... bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng.

Phối hợp với các Sở, ngành cấp tỉnh thực hiện số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu chuyên ngành tại các cơ quan nhà nước theo kế hoạch của tỉnh.

Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP).

1.4. Triển khai nền tảng số

Tiếp tục khai thác, sử dụng có hiệu quả các nền tảng số đã triển khai.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để tổ chức triển khai sử dụng các nền tảng số đã được UBND tỉnh lựa chọn, công bố tại Công văn số 3047/UBND-KSĐT ngày 12/9/2022.

Tổ chức đào tạo, tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng các kỹ năng khai thác, sử dụng các nền tảng số phục vụ người dân.

Chỉ đạo các Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn, thúc đẩy mọi người dân sử dụng nền tảng số được công bố tại địa chỉ: <https://congdanso.mic.gov.vn>.

Tuyên truyền, tổ chức hội nghị, hội thảo để giới thiệu các nền tảng số của Trung ương, tỉnh triển khai đến các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

1.5. Phát triển nguồn nhân lực

Tuyên dụng, bố trí cán bộ, công chức, viên chức có chuyên môn về chuyển đổi số phụ trách tham mưu công tác chuyển đổi số thành phố. Hướng tới mục tiêu mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí ít nhất 1 cán bộ có chuyên môn phụ trách về chuyển đổi số.

Bồi dưỡng, phát triển kỹ năng số trong các cơ quan nhà nước: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các khóa bồi dưỡng kỹ năng số cho các cán bộ lãnh đạo, CBCC, viên chức và người lao động trong các cơ quan Nhà nước.

Bồi dưỡng phát triển kỹ năng số trong khu vực tư nhân: Triển khai các khóa bồi dưỡng, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp; kỹ năng số cho người lao động trên địa bàn, ưu tiên các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, có tính đột phá.

1.6. An toàn thông tin mạng

Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

Đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin của thành phố.

Cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng theo kế hoạch của tỉnh.

Đẩy mạnh thực hiện Quy chế đảm bảo an toàn thông tin tại các cơ quan Nhà nước trên địa bàn thành phố; đưa công tác đảm bảo an toàn thông tin vào các

chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số của các cơ quan trên địa bàn thành phố.

Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống thông tin của thành phố, ưu tiên bố trí nguồn kinh phí đầu tư trang thiết bị an toàn thông tin cho các hệ thống phần mềm ứng dụng dùng chung, cơ sở dữ liệu quan trọng.

Tăng cường phối hợp với các cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin của tỉnh, các doanh nghiệp về an toàn thông tin thực hiện giám sát, thu thập thông tin, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn thông tin và thực hiện khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra; giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

Có các biện pháp phòng chống thiên tai, cháy, nổ cho các thiết bị công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị.

Tổ chức đánh giá mức độ an toàn các hệ thống thông tin của thành phố; hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ phát triển Chính quyền số; đẩy mạnh triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Chính quyền số

Nâng cấp hạ tầng mạng LAN tại cơ quan, đơn vị thành phố phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và lộ trình triển khai đã được tỉnh quy hoạch.

Xây dựng, nâng cấp Cổng thông tin điện tử của các phường, xã.

Thường xuyên cập nhật thông tin dữ liệu cán bộ công chức, viên chức của thành phố đảm bảo dữ liệu đúng, đủ, sạch và sống.

Số hóa dữ liệu chuyên ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Văn hoá, Quản lý đô thị, Nội vụ, các dự án đầu tư xây dựng

Triển khai hệ thống đài truyền thanh thông minh tại trung tâm truyền thanh thành phố và các đơn vị được giao đạt mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số.

Mở rộng hệ thống camera an ninh trật tự tại phường, xã tại các vị trí cần thiết và đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho hệ thống camera.

Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, môi trường, năng lượng, điện, nước, ... để hoàn thiện hạ tầng số.

2.2. Kinh tế số

Hỗ trợ đưa sản phẩm OCOP, sản phẩm lợi thế của các hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp... lên sàn thương mại điện tử.

Xây dựng kế hoạch phổ biến kiến thức về chuyển đổi số, kinh tế số; tính cấp thiết của chuyển đổi số; chia sẻ kinh nghiệm, các bài học thành công, thất bại khi chuyển đổi kinh tế số cho các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

Tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể tạo thành các chuỗi liên kết từ sản xuất

dền tiêu dùng.

Xây dựng mô hình chợ 4.0 tại Chợ Phường 3 thành phố.

2.3. Xã hội số

Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân đăng ký, sử dụng tài khoản định danh điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử.

Triển khai chữ ký số cho đội ngũ cán bộ, nhân viên, người lao động ngành Giáo dục, Y tế.

Triển khai ứng dụng Tây Ninh Smart phục vụ chuyển đổi số dành cho người dân theo kế hoạch của tỉnh.

Lắp đặt Wifi công cộng tại một số điểm tập trung đông người: khu du lịch, Chợ Phường 3, công viên,...

Hướng dẫn mở tài khoản thanh toán điện tử (mở tài khoản tại ngân hàng, ví điện tử...), chữ ký số cho công dân trên địa bàn thành phố (từ 15 tuổi trở lên).

Khuyến khích người dân sử dụng điện thoại thông minh để sử dụng các dịch vụ số; tương tác với chính quyền qua môi trường số; sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Bồi dưỡng, tập huấn cho các hạt nhân là thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng về kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số.

Các trường học tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sử dụng CNTT, an toàn thông tin, sẵn sàng cho môi trường số, tạo thế hệ công dân số.

Triển khai gán mã địa chỉ số sau khi có hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và kế hoạch của tỉnh.

Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông đầu tư nâng cấp hạ tầng viễn thông băng rộng; đảm bảo phủ sóng thông tin di động 4G, 5G đến 100% các thôn, tổ dân phố.

3. Chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên

3.1. Lĩnh vực Giáo dục-Đào tạo

100% các trường học từ tiểu học đến trung học sử dụng học bạ điện tử và sổ liên lạc điện tử; 100% học sinh từ tiểu học đến trung học, phụ huynh học sinh sử dụng học bạ điện tử và sổ liên lạc điện tử; 100% trường học, trung tâm đào tạo có sử dụng hệ thống đào tạo online; 100% trường học, trung tâm đào tạo có sử dụng các nền tảng số trong hoạt động quản lý, tập huấn, giảng dạy, thanh toán không dùng tiền mặt.

3.2. Lĩnh vực Y tế

100% bệnh viện nhà nước trên địa bàn thành phố ứng dụng nền tảng số y tế tiến tới bệnh viện “không giấy tờ”; 100% cơ sở y tế có sử dụng các nền tảng số trong hoạt động quản lý, khám chữa bệnh; 100% cơ sở y tế trên địa bàn lắp đặt, sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán viện phí.

3.3. Lĩnh vực Nội vụ

Cập nhật, khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh triển khai. Phối hợp xây dựng phần mềm đánh giá cán bộ, công chức,

viên chức trên địa bàn thành phố và phường, xã hoặc khai thác có hiệu quả phần mềm đánh giá của tỉnh triển khai tập trung (nếu có).

Số hoá tài liệu, xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thông tin quản lý tài liệu lưu trữ, đảm bảo cho việc khai thác và sử dụng các tài liệu này một cách tối ưu nhất.

Xây dựng và triển khai thực hiện phần mềm quản lý công việc trong cơ quan, đơn vị tiến đến dùng chung cho thành phố Tây Ninh.

3.4. Lĩnh vực ANTT, đảm bảo an toàn giao thông

Lắp đặt các hệ thống camera giám sát ANTT phủ khắp các nơi công cộng, nơi tập trung đông người, các giao lộ phức tạp về ANTT. Hệ thống camera được kết nối về trung tâm GSDH thành phố Tây Ninh và trung tâm GSDH tập trung của tỉnh; Đảm bảo 100% các nút giao thông, khu vực công cộng trọng điểm trên địa bàn thành phố được quan sát, giám sát bằng camera; Thí điểm tích hợp các camera giám sát của người dân trên địa bàn vào hệ thống quản lý camera giám sát chung của tỉnh, phục vụ giám sát về ANTT của thành phố và của tỉnh.

3.5. Lĩnh vực Tài nguyên-Môi trường

Cập nhật, khai thác và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố.

3.6. Lĩnh vực Du lịch

Cập nhật, khai thác có hiệu quả các dữ liệu phục vụ du lịch trên các ứng dụng hỗ trợ du lịch của tỉnh, của thành phố; xây dựng mạng lưới wifi công cộng phục vụ du khách và người dân tại các điểm du lịch, công viên, khu trung tâm hành chính.

3.7. Lĩnh vực xây dựng, quản lý đô thị

Hoàn thiện và khai thác có hiệu quả các thông tin và tiện ích thiết thực về quy hoạch, phát triển đô thị liên quan trực tiếp đến điều kiện sống của người dân. Giúp cho chính quyền kiểm tra, giám sát về tình hình ngập nước, thu gom, xử lý rác thải, tra cứu hồ sơ quy hoạch, địa chỉ số nhà, biển tên đường, tình trạng mua bán, quảng cáo lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè trên các trục đường giao thông, xung quanh các chợ trên địa bàn.

Xây dựng hệ thống chiếu sáng thông minh trên các trục đường chính của thành phố Tây Ninh, kết nối với các cảm biến để cảnh báo về môi trường, rác thải, báo cháy, tiếng ồn...

Xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý quy hoạch, quản lý đô thị...

3.8. Lĩnh vực nông nghiệp

Thúc đẩy, hỗ trợ người dân và các hộ sản xuất nông nghiệp, hộ kinh doanh sử dụng nền tảng thương mại điện tử do tỉnh và các doanh nghiệp triển khai trên địa bàn tỉnh. Ứng dụng nền tảng số trong hoạt động phát triển, quảng bá, liên kết chuỗi cung ứng nông nghiệp. Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, giám sát tiêu chuẩn chất lượng nông sản. Hỗ trợ nông dân tiếp cận, cập nhật tri thức mới, mở ra cách nghĩ mới, cách làm mới để hoà nhập xu thế phát triển chung.

4. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện Đề án bao gồm nguồn kinh phí chi đầu tư phát

triển và nguồn chi thường xuyên khác của thành phố, nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, tại thời điểm xây dựng dự toán hằng năm, căn cứ tiêu chuẩn, định mức và nội dung chi theo quy định hiện hành, các đơn vị được phân công nhiệm vụ lập dự toán chi tiết gửi Phòng Tài chính-kế hoạch thành phố kiểm tra, rà soát các nhiệm vụ đảm bảo đúng, đủ, tránh trùng lặp và xem xét, thẩm định báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố phê duyệt theo quy định.

Tổng kinh phí thực hiện Đề án dự kiến **107.225.000.000** đồng (kèm theo danh mục nhiệm vụ trọng tâm thực hiện).

PHẦN IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số thành phố

Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số chịu trách nhiệm trước Thành uỷ, HĐND, UBND thành phố trong việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện Đề án chuyển đổi số thành phố Tây Ninh đến năm 2030 thuộc phạm vi quản lý. Nghiên cứu, đề xuất với UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố về chủ trương, tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của thành phố hướng tới chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án. Làm đầu mối liên hệ với Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh.

II. Phòng Nội vụ thành phố

Tham mưu tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung kế hoạch của tỉnh về Chuyển đổi số trong quá trình phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương, qua đó tạo sự đồng thuận, thống nhất về quan điểm, hành động trong việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ.

Tổ chức thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số chuyển đổi số của thành phố.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện các giải pháp đảm bảo nâng cao và duy trì thứ hạng đánh giá kết quả chuyển đổi số thành phố và phường, xã; phối hợp với các phòng, ban liên quan tham mưu cho UBND thành phố triển khai Đề án.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, căn cứ tình hình cụ thể của địa phương để tham mưu các nội dung, nhiệm vụ về chuyển đổi số thuộc nhiệm vụ và thẩm quyền của thành phố.

Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, cho ý kiến nội dung của các dự án, nhiệm vụ; tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình thực hiện đề án, nhiệm vụ.

Giám sát, tổng hợp và báo cáo tiến độ thực hiện của các đơn vị theo nhiệm vụ đã giao.

Tham mưu, giúp việc UBND thành phố tổ chức hội nghị đánh giá, sơ kết hàng năm và tổng kết thực hiện đề án.

III. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố

Phối hợp với Phòng Nội vụ thực hiện các giải pháp đảm bảo nâng cao chỉ số chuyển đổi số của thành phố liên quan đến các nhiệm vụ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông của các đơn vị trên địa bàn thành phố; báo cáo tiến độ thực hiện của đơn vị theo nhiệm vụ được giao.

Phối hợp với các phòng, ban liên quan của thành phố và cơ quan của tỉnh triển khai các ứng dụng, dịch vụ liên quan đến chuyển đổi số.

IV. Phòng Tài chính và Kế hoạch

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở đề xuất dự án, nhiệm vụ, dự toán kinh phí, nguồn vốn thực hiện các nội dung thuộc Đề án của đơn vị chủ trì, tham mưu UBND thành phố báo cáo Thành ủy, trình HĐND thành phố, bố trí nguồn vốn, kinh phí để triển khai thực hiện theo quy định.

V. Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc UBND thành phố; các cơ quan, đơn vị trên địa bàn, UBND phường, xã và các tổ chức, cá nhân liên quan

Tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số và vai trò của chuyển đổi số đến cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, công dân trên địa bàn thành phố.

Chủ động nghiên cứu, rà soát, đề xuất chủ trương, nhiệm vụ, chương trình, dự án để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Triển khai các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện thanh toán điện tử; khẩn trương triển khai đối với các dịch vụ thiết yếu như thanh toán tiền điện, nước, các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, dịch vụ y tế, giáo dục, vệ sinh môi trường, nộp các loại thuế, phí hàng năm,...

VI. Đề nghị các doanh nghiệp

Các doanh nghiệp Viễn thông là nòng cốt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

Tập trung nghiên cứu, phát triển các công nghệ nền tảng, các phần mềm, giải pháp ứng dụng CNTT, đẩy mạnh xây dựng Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và các ứng dụng trong các lĩnh vực mà thành phố có thế mạnh như thương mại, du lịch,...

Tiên phong nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm các công nghệ mới, dẫn dắt, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ nâng cao ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ kinh doanh cá thể trong quá trình chuyển đổi số; hướng dẫn người dân sử dụng các ứng dụng CNTT đã, đang và sẽ được triển khai trên địa bàn thành phố.

PHẦN V

TÍNH KHẢ THI VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

I. Tính khả thi của đề án

Việc đánh giá tính khả thi của các dự án được nêu trong Đề án sẽ tuân thủ theo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về việc quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, đề xuất việc xây dựng một công cụ có chức năng đánh giá tính khả thi của đề án trong tương lai, giúp thuận lợi hơn trong việc đánh giá tính khả thi của đề án.

Thành phố Tây Ninh nói riêng, tỉnh Tây Ninh nói chung có khả năng kế thừa, phát huy các thành tựu, các bài học kinh nghiệm trong và ngoài nước về ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật hiện đại vào các hoạt động quản lý, phát triển kinh tế, xã hội đã được nhiều nước trên thế giới áp dụng trong nhiều năm trở lại đây.

Kết quả triển khai chính quyền điện tử, đô thị thông minh trên địa bàn thành phố trong thời gian qua đạt một số kết quả tích cực, là tiền đề cho triển khai chuyển đổi số trong thời gian tới. Kết quả và kinh nghiệm triển khai ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh có thể được kế thừa và tiếp tục phát huy; hầu hết các chỉ số đo lường (KPI) liên quan đến ứng dụng CNTT Chính quyền điện tử,... đều cơ bản đạt mức khả quan.

Vị trí địa lý của thành phố Tây Ninh là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh, phía Đông, phía Nam giáp huyện Hòa Thành, phía Tây giáp huyện Châu Thành, phía Bắc giáp huyện Tân Châu; diện tích tự nhiên 140km², có 07 phường, 03 xã với 38.216 hộ, dân số khoảng 160.000 người, có 10 dân tộc thiểu số, với 672 hộ, 2.535 nhân khẩu, chiếm tỉ lệ 1.87 % dân số. Do đó, thành phố có sự thuận lợi trong việc thu hút được sự quan tâm của các doanh nghiệp, nhà đầu tư, qua đó có năng lực để phát triển các sản phẩm, dịch vụ số phục vụ khu vực công và khu vực tư nhân.

II. Dự báo hiệu quả của đề án

1. Hiệu quả quản lý nhà nước

Chuyển đổi số sử dụng dữ liệu và hệ thống công nghệ số nhằm thay đổi trải nghiệm người sử dụng với các dịch vụ công do Nhà nước cung cấp. Việc thay đổi hệ thống công nghệ cũng làm thay đổi nghiệp vụ, mô hình và phương thức hoạt động của bộ máy cơ quan Nhà nước.

Chuyển đổi số cũng đang dần thay đổi nhận thức của những nhà lãnh đạo, những người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, có khả năng quyết định hướng đi và sự thành công của cơ quan, đơn vị và tổ chức. Hiện nay, các địa phương đã đầu tư rất nhiều vào hệ thống hạ tầng CNTT nhằm phục vụ cho quá trình chuyển đổi số trước những lợi ích mà nó đem lại. Chính quyền địa phương đang ứng dụng chuyển đổi số vào công tác xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới hình thành Chính quyền số. Đồng thời, cũng đưa ra nhiều biện pháp hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng những thành tựu của chuyển đổi số vào quá trình vận hành kinh doanh doanh nghiệp.

Trước xu hướng trên, thành phố Tây Ninh cũng đang từng bước ứng dụng chuyển đổi số vào công tác quản lý và xây dựng chính quyền; khuyến khích các ngành/nghề, doanh nghiệp áp dụng chuyển đổi số trong tất cả lĩnh vực như: Chuyển đổi số trong doanh nghiệp, chuyển đổi số trong nông nghiệp, giáo dục, y tế, du lịch... và trong công tác truyền thông.

Tuy vậy, cũng cần phải cụ thể hóa quá trình chuyển đổi số của thành phố cho phù hợp và nhất quán với định hướng phát triển kinh tế số, xã hội số tỉnh. Trên cơ sở đó, xây dựng các giải pháp chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực,... đảm bảo quá trình chuyển đổi số phục vụ công nghiệp hóa và tái cơ cấu nền kinh tế, trong đó các cơ quan nhà nước - doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt.

2. Hiệu quả về mặt kinh tế

Có thể thấy rõ, chuyển đổi số mang lại rất nhiều lợi ích đối với doanh nghiệp, cụ thể như:

Thu hẹp khoảng cách giữa các doanh nghiệp: Khi ứng dụng chuyển đổi số, sự liên kết thông tin giữa các doanh nghiệp được kết nối với một nền tảng hệ thống công nghệ đồng nhất. Mỗi doanh nghiệp vẫn có các phần mềm riêng để phục vụ cho nghiệp vụ chuyên môn nhưng vẫn có thể giao tiếp với các doanh nghiệp khác thông qua hệ thống nền tảng. Điều này sẽ giúp cho các vấn đề phát sinh trong từng doanh nghiệp được giải quyết ngay khi xảy ra, giúp cho sự vận hành trong các doanh nghiệp không bị tắc nghẽn không rõ nguyên nhân, gây tác động xấu đến doanh nghiệp.

Tăng sự minh bạch và hiệu quả trong hệ thống quản trị doanh nghiệp: Tham gia quá trình chuyển đổi số, doanh nghiệp sẽ có thể chủ động và dễ truy xuất báo cáo về các hoạt động của doanh nghiệp. Mọi hoạt động của doanh nghiệp, như: nhân viên ghi nhận doanh số, biến động nhân sự, khách hàng tìm hiểu sản phẩm sẽ được thể hiện trên các phần mềm quản trị doanh nghiệp, điều này sẽ giúp giảm sự chậm trễ, giúp các chủ doanh nghiệp quản lý doanh nghiệp hiệu quả và minh bạch hơn.

Tối ưu hóa năng suất nhân viên: Chuyển đổi số sẽ giúp doanh nghiệp khai thác được tối đa năng lực làm việc của nhân viên trong công ty. Bởi những công việc có giá trị gia tăng thấp, hệ thống có thể tự động thực hiện mà doanh nghiệp không cần tốn chi phí trả lương cho nhân viên, đồng thời cũng giúp nhân viên có thêm thời gian để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện các công việc quan trọng khác. Chuyển đổi số cũng giúp người quản lý dễ dàng đánh giá chất lượng công việc thông qua số liệu báo cáo nhận lại cuối ngày, cuối tuần, cuối tháng hoặc cuối quý.

Nâng cao khả năng cạnh tranh: Nếu doanh nghiệp sở hữu nền tảng số hóa sẽ có thể triển khai và vận hành doanh nghiệp hiệu quả, chính xác và chất lượng. Bởi các giải pháp quản trị và vận hành số hóa sẽ tăng tính hiệu quả và chính xác trong các quyết định của doanh nghiệp. Đồng thời, chuyển đổi số cũng giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong việc tương tác nhanh chóng với khách hàng, chính sách chăm sóc và phục vụ khách hàng,...

3. Hiệu quả về mặt xã hội

Đối với người dân, chuyển đổi số đang dần tác động vào trong cuộc sống để

có thể trải nghiệm các dịch vụ công hay các dịch vụ được cung cấp từ các doanh nghiệp ngày càng thuận tiện, nhanh chóng. Các giao dịch như: chuyển khoản, mua sắm trực tuyến,... hoàn toàn có thể thực hiện qua mạng mà không cần phải đến tận nơi thực hiện.

Dịch Covid-19 đã làm thay đổi nhận thức của người dân, người dân đã thấy rõ được tầm quan trọng của chuyển đổi số, bởi trong thời gian cách ly xã hội, người tiêu dùng buộc phải hạn chế ra đường; mọi giao dịch, các cuộc họp và xử lý công việc đều được thực hiện qua máy tính. Điều này bắt buộc người tiêu dùng phải có máy tính và hệ thống truyền tải mạng dữ liệu ổn định mới đáp ứng được nhu cầu của công việc.

PHẦN VI KẾT LUẬN

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã và đang tác động mạnh mẽ đến toàn cầu, buộc Chính quyền, tất cả các tổ chức, doanh nghiệp phải đối mặt với những thách thức lớn, đòi hỏi những sự thay đổi để phù hợp trước sự tiến bộ của công nghệ, khoa học kỹ thuật.

Chuyển đổi số là tất yếu và vô cùng quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong các lĩnh vực khác của xã hội như truyền thông đại chúng, y tế, giáo dục,... Chuyển đổi số là một quá trình dài với nhiều thách thức đặt ra buộc Chính quyền các cấp, doanh nghiệp và người dân phải thay đổi. Tuy nhiên, chuyển đổi số sẽ giúp Chính quyền ngày càng cải thiện chất lượng công việc của CBCC, viên chức, cải thiện DVC để phục vụ nhu cầu của người dân hiệu quả hơn.

Chuyển đổi số cũng giúp doanh nghiệp tiết giảm được chi phí hoạt động, bởi khả năng kết nối của quá trình số hóa, không cần nguồn lực có sẵn; tăng tính kết nối, trải nghiệm và tăng tính cạnh tranh nhằm phát triển kinh doanh và mang tới chất lượng dịch vụ, sản phẩm tốt cho người dùng.

Chuyển đổi số hiện đang tác động vào công việc và cuộc sống hàng ngày của mỗi người dân với sức mạnh vô cùng lớn. Nó tác động vào tất cả các ngành, lĩnh vực, thách thức tất cả các công ty thuộc mọi loại hình và quy mô. Do đó, cần đẩy nhanh thực hiện chuyển đổi số để đáp ứng xu hướng hiện nay./.

DANH MỤC
CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Stt	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình triển khai	Nguồn kinh phí	Khái toán
I.	Chính quyền số						
1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; các chương trình truyền thông về chuyển đổi số. Bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của thành phố	Phòng Văn hóa và Thông tin; Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thanh thành phố. Phòng Nội vụ thành phố	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	NS thành phố và xã hội hóa	1.700.000	
2	Nâng cấp hạ tầng mạng LAN, hạ tầng CNTT tại cơ quan UBND thành phố và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố.	Văn phòng HĐND – UBND thành phố	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2024, 2025	NS thành phố và xã hội hóa	15.000.000	
3	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của Thành phố là hệ thống thành phần của IOC tỉnh; thực hiện tích hợp, chia sẻ dữ liệu với IOC tỉnh và bổ sung thêm các phân hệ thành phần tạo lập dữ liệu riêng của thành phố	Văn phòng HĐND – UBND thành phố	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2024, 2025	NS thành phố và xã hội hóa	8.000.000	
4	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống Camera giám sát an ninh và hỗ trợ giám sát giao thông thông minh (Phòng Chỉ huy Điều hành thành phố, tích hợp camera hiện có, đầu tư camera mới, camera thông minh giám sát giao thông)	Công an thành phố	Văn phòng HĐND – UBND thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	2024, 2025	NS thành phố và xã hội hóa	10.000.000	

5	Tích hợp các dữ liệu hiện có vào trung tâm GSĐH thông minh thành phố	Văn phòng HĐND - UBND thành phố	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm	NS thành phố và Xã hội hóa	90.000
6	Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng thông minh kết hợp các cảm biến tiếng ồn, thời tiết, cháy nổ, rác thải	Phòng Quản lý Đô thị	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng	2024, 2025	NS thành phố	60.000.000
7	Triển khai số hóa hồ sơ lưu trữ thuộc các lĩnh vực chuyên ngành trong phạm vi quản lý của thành phố	Các phòng chuyên môn và Đơn vị sự nghiệp có liên quan		Thường xuyên	NS thành phố	12.000.000
8	Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý công việc	Phòng Nội vụ		2024	NS thành phố	175.000
9	Xây dựng và triển khai CSDL ngành GD-ĐT	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Hằng năm	NS thành phố và xã hội hóa	95.000
10	Xây dựng và triển khai CSDL ngành Y tế	Trung tâm Y tế	Sở Y tế	Hằng năm	NS thành phố và xã hội hóa	95.000
11	Nâng cấp cổng thông tin điện tử thành phố và phường, xã	Phòng Nội vụ	Sở Thông tin truyền thông	Hằng năm	NS thành phố	90.000
12	Phối hợp Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tích hợp hệ thống quản lý trong lĩnh vực LĐTBXH	Phòng LĐTBXH	Sở LĐTBXH	Hằng năm	NS thành phố và xã hội hóa	95.000
13	Phối hợp các sở, ban ngành tỉnh tích hợp, kết nối đến các hệ thống quản lý thông minh ngành (quản lý đất đai, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng đô thị thông minh ...)	Các phòng chuyên môn thành phố	Các sở ngành	Hằng năm	NS thành phố và xã hội hóa	95.000
II.	Kinh tế số					
1	Hỗ trợ đưa sản phẩm OCOP, sản phẩm lợi thế của các hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp... lên sàn thương mại điện tử.	Phòng Kinh tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND	Hằng năm	Xã hội hóa	70.000

			các phường, xã			
2	Xây dựng mô hình chợ 4.0	Phòng Kinh tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND các phường, xã	2024, 2025, 2026	NS thành phố và Xã hội hóa	50.000
III. Xã hội số						
1	Tuyên truyền, khuyến khích người dân sử dụng điện thoại thông minh để sử dụng các dịch vụ số; tương tác với chính quyền qua môi trường số; sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	Phòng Văn hóa và Thông tin; UBND phường, xã	Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thanh	Hằng năm	NS thành phố và NS phường, xã	130.000
2	Hướng dẫn mở tài khoản thanh toán điện tử (mở tài khoản tại ngân hàng, ví điện tử...), chữ ký số cho công dân trên địa bàn thành phố (từ 15 tuổi trở lên).	Phòng Văn hóa và Thông tin; UBND phường, xã	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	Hằng năm	NS thành phố và NS phường, xã	130.000
3	Xây dựng hệ thống Wifi công cộng	Phòng Văn hóa và Thông tin		Hằng năm	NS thành phố và Xã hội hóa	180.000